TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 40/2023/DS-ST
Ngày: 18 – 4 - 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn Lạc

2. Ông Lê Hoàng Long

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà:* Ông Bùi Văn Lư - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2023/TLST - DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn V, sinh năm 1987

Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp TLA, xã TT, huyện PĐ, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1979

Bà Nguyễn Xuân A, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp TH, xã TXA, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Văn V và bà Trần Thị Ngọc H trình bày: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Xuân A có làm chủ hụi từ năm 2021. Ngày 15/02/2021 (âm lịch) vợ chồng ông T và bà Xuân A có mở dây hụi loại 3.000.000 đồng, mỗi tháng khui 1 lần vào ngày 15 âm lịch, tổng 20 người tham gia. Trong đó ông, bà tham gia 01 chưng, tại tờ giao kèo chơi hụi ghi tên là Ấp. Chưng hụi này ông, bà chưa hốt. Tháng 09/2022 (âm lịch) ông T và bà Xuân A vỡ hụi nên không tiếp tục gom hụi nữa, tự ý chấm dứt hợp đồng góp hụi đối với các hụi viên. Dây hụi này ông T và bà Xuân A nợ ông, bà số tiền 54.000.000 đồng (18x 3.000.000 đồng).

Ngày 29/4/2021 (âm lịch) ông T và bà Xuân A có mở dây hụi loại 3.000.000 đồng, mỗi tháng khui 1 lần vào ngày 29 âm lịch, tổng 19 người tham gia. Trong đó ông, bà tham gia 01 chưng, tại tờ giao kèo chơi hụi ghi tên là Ấp Quyền. Chưng hụi này ông, bà cũng chưa hốt. Tháng 09/2022 (âm lịch) bà Xuân A và ông T vỡ hụi nên không tiếp tục gom hụi nữa, tự ý chấm dứt hợp đồng góp hụi đối với các hụi viên. Dây hụi này ông T và bà Xuân A nợ ông, bà số tiền 48.000.000 đồng (16 x 3.000.000 đồng).

Các dây hụi nêu trên hiện nay đã mãn. Nay ông, bà yêu cầu ông T và bà Xuân A trả số tiền nợ hụi 102.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, kể cả trong giai đoạn thi hành án.

Bị đơn Nguyễn Xuân A trình bày: Bà và chồng là ông Trần Văn T có làm chủ hụi từ năm 2021. Cuối năm 2022 bà và ông T ly hôn nhưng do bà khai không có nợ chung nên chưa giải quyết phần nợ chung. Ngày 15/02/2021 (âm lịch) vợ chồng bà có mở dây hụi loại 3.000.000 đồng, mỗi tháng khui 1 lần vào ngày 15 âm lịch, tổng 20 người tham gia. Trong đó bà H và ông V tham gia 01 chưng, tại tờ giao kèo chơi hụi bà ghi tên là Ấp. Chưng hụi này bà H và ông V chưa hốt. Tháng 09/2022 (âm lịch) bà vỡ hụi nên không tiếp tục gom hụi nữa, từ đó bà chấm dứt hợp đồng góp hụi đối với các hụi viên. Dây hụi này bà nợ chị H và ông V số tiền 54.000.000 đồng (18x 3.000.000 đồng). Ngày 29/4/2021 (âm

lịch) vợ chồng bà có mở dây hụi loại 3.000.000 đồng, mỗi tháng khui 1 lần vào ngày 29 âm lịch, tổng 19 người tham gia. Trong đó bà H và ông V tham gia 01 chưng, tại tờ giao kèo chơi hụi bà ghi tên là Ấp Quyền. Chưng hụi này bà H và ông V chưa hốt. Tháng 09/2022 (âm lịch) bà vỡ hụi nên không tiếp tục gom hụi nữa, từ đó bà chấm dứt hợp đồng góp hụi đối với các hụi viên. Dây hụi này bà nợ bà H và ông V số tiền 48.000.000 đồng (16 x 3.000.000 đồng). Nếu tính đến thời điểm này thì các dây hụi trên đã mãn, nhưng bà chưa có khả năng thanh toán cho bà H và ông V. Bà thống nhất số tiền nợ mà bà H và ông V khởi kiện, không có ý kiến nào khác.

Ông Trần Văn T trình bày: Ông và vợ là Nguyễn Xuân A có làm chủ hụi từ năm 2021. Cuối năm 2022 ông và bà Xuân A ly hôn nhưng do vợ ông và vợ khai không có nợ chung nên chưa giải quyết phần nợ chung. Vợ chồng ông mở 02 dây hụi ngày 15/02/2021 và 29/04/2021 theo tờ giao kèo hụi mà vợ ông giao cho các hụi viên. Ông có ký tên vào các tờ giao kèo hụi để bà Xuân A giao cho hụi viên. Tuy nhiên, việc gom hụi và giao hụi cho hụi viên thì bà Xuân A trực tiếp phụ trách. Do đó, ông không nắm được ai là người chơi, ai đã hốt và ai chưa hốt. Vì vậy, ông cũng không biết hiện nay còn nợ ai và nợ bao nhiêu. Khi còn chung sống thì chi phí sinh hoạt chung gia đình thì cả hai cùng đóng góp. Bà Xuân A phụ trách các hợp đồng góp hụi và ông phụ trách buôn bán gạo. Ai có thu nhập thì cùng góp để chi tiêu sinh hoạt cùng nhau. Ông không có ý kiến gì đối với số tiền mà ông V và bà H khởi kiện nhưng ông không đồng ý trả. Ông yêu cầu bà Xuân A tự gom tiền của những hụi viên còn nợ để trả cho ông V và bà H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn V và bà Trần Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hụi với bị đơn Trần Văn T và Nguyễn Xuân A có nơi đăng ký thường trú tại ấp TH, xã TXA, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định vào năm 2021, ông T và bà Xuân A làm chủ hụi. Cụ thể, ông T và bà Xuân A mở 02 dây hụi ngày 15/02/2021 và 29/04/2021, loại hụi 3.000.000 đồng. Mỗi dây hụi, ông V và bà H tham gia 01 chưng. Ông T và bà Xuân A có giao cho mỗi hụi viên tờ giao kèo chơi hụi, có chữ ký của ông T. Ông T và bà Xuân A cũng thừa nhận đến nay hụi đã mãn nhưng chưa thể giao tiền hụi cho ông V và bà H. Bà Xuân A thống nhất số tiền nợ ông V và bà H là 102.000.000 đồng, ông T không có ý kiến gì. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Tuy nhiên, mặc dù ông T thừa nhận có làm chủ hụi, không có ý kiến với số tiền mà ông V và bà H khởi kiện, nhưng không đồng ý trả. Đồng thời, ông yêu cầu bà Xuân A tự gom tiền các hụi viên khác còn nợ, để trả cho bà H và ông V.

Hội đồng xét xử xét thấy, đây là giao dịch do ông T và bà Xuân A xác lập trong thời kỳ hôn nhân, cả hai thừa nhận đều đó. Mặc khác, ông T và bà Xuân A cũng thống nhất xác định, thu nhập có được từ việc bán gạo của ông T, hay từ việc góp hụi của bà Xuân A đều được cả hai dùng vào sinh hoạt chung. Các dây hụi mãn vào ngày 15/11/2022. Đến ngày 29/11/2022 ông T nộp đơn ly hôn với bà Xuân A. Tại phiên tòa, ông T thừa nhận có biết bà Xuân A còn nợ tiền hụi của hụi viên nhưng không rõ cụ thể bao nhiêu. Vì muốn ly hôn nhanh nên cả hai thống nhất khai không có nợ chung và tài sản chung. Như vậy, có đủ căn cứ xác định đây là nợ chung của ông T và bà Xuân A trong thời kỳ hôn nhân, cần buộc ông T và bà Xuân A cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông V và bà H.

Việc ông T yêu cầu bà Xuân A gom tiền hụi từ các hụi viên khác để trả cho ông V và bà H không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông V và bà H trong vụ án này và Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V và bà Trần Thị Ngọc H.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V và bà Trần Thị Ngọc H. Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Xuân A phải trả cho ông V và bà H số tiền 102.000.000 đồng (Một trăm lẽ hai triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Xuân A phải nộp số tiền 5.100.000 đồng. Ông V và bà H không phải nộp. Ông V và bà H nộp tạm ứng số tiền 2.550.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005035 ngày 09/3/2023 được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt tại tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện TL;
- TAND TPCT;
- Cơ quan THA huyện TL;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Diễm